

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2026/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 3 - 2026

V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn
giữa chị Nga và anh Thủ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Hùng Hạnh;

Ông Vũ Xuân Thùy

- **Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên toà số 11/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Ngô Thị N**, sinh năm 1988; địa chỉ: **Thôn C, xã X, tỉnh Ninh Bình**.

- **Bị đơn:** Anh **Mai Văn T**, sinh năm 1984; địa chỉ: **Thôn C, xã X, tỉnh Ninh Bình**.

- **Người làm chứng:** Ông **Mai Văn Đ**, sinh năm 1956; địa chỉ: **Thôn C, xã X, tỉnh Ninh Bình**.

(Chị **N** xin xét xử vắng mặt; anh **T** và ông **Đ** vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị **Ngô Thị N** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Mai Văn Thủ tự N1 tìm hiểu, kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nay thuộc xã X, tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/3/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Nhưng sau đó, cuộc sống vợ xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống; mặt khác, anh Thủ ham chơi bời, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc đã tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được ly hôn anh Mai Văn Thủ.

Về con chung: Chị và anh Mai Văn T có 03 con chung là Mai Khánh L, sinh ngày 23/10/2011; Mai Hoàng A, sinh ngày 16/6/2019 và Mai Hoàng V, sinh ngày 17/5/2021; hiện các con đang ở với chị. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi dưỡng cả 03 con chung và không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Văn T, Tòa án đã báo gọi nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc do đi làm ăn. Tòa án tiến hành lấy lời khai của bố đẻ anh T là ông Mai Văn Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Ninh Bình.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2025., ông Mai Văn Đ trình bày: Chị Ngô Thị N và anh Mai Văn Thủ tự N1 tìm hiểu và kết hôn ngày 25/3/2010 tại UBND xã X nay là thuộc xã X, tỉnh Ninh Bình. Những năm gần đây, cuộc sống vợ chồng chị N và anh T xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng; nguyên nhân chính là do anh T không quan tâm đến gia đình, vợ con. Kinh tế gia đình khó khăn càng làm mâu thuẫn vợ chồng thêm trầm trọng, hai vợ chồng đã sống ly thân từ mấy năm nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án tác động để chị N và anh T có cơ hội đoàn tụ. Nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Ngô Thị N và anh Mai Văn T có 03 con chung là Mai Khánh L, sinh ngày 23/10/2011; Mai Hoàng A, sinh ngày 16/6/2019 và Mai Hoàng V, sinh ngày 17/5/2021; hiện các con đang ở với chị N. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Chị N, anh T không liên quan gì đến kinh tế gia đình ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị **Ngô Thị N** và anh **Mai Văn Thủ**. Giao cả 03 con chung chưa thành niên là **Mai Khánh L**, sinh ngày 23/10/2011; **Mai Hoàng A**, sinh ngày 16/6/2019 và **Mai Hoàng V**, sinh ngày 17/5/2021 cho chị **Ngô Thị N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **Mai Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Chị **Ngô Thị N** phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Ngô Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt, anh **Mai Văn T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Ngô Thị N** và anh **Mai Văn T** có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 25/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định nay là xã X, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp; anh **T** không quan tâm đến vợ con và vợ chồng đã sống ly thân từ mấy năm nay. Chị **V1** xin ly hôn anh **T**, anh **T** không về Tòa án làm việc, không tham gia hòa giải và không thể hiện quan điểm; điều đó chứng tỏ anh **T** không còn thiết tha đoàn tụ, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **T** đã trầm trọng, không có cách giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Ngô Thị N** đối với anh **Mai Văn T** là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **Ngô Thị N** và anh **Mai Văn T** có 03 con chung chưa thành niên là **Mai Khánh L**, sinh ngày 23/10/2011; **Mai Hoàng A**, sinh ngày 16/6/2019 và **Mai Hoàng V**, sinh ngày 17/5/2021. Xét thấy chị **N** có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp tiếp nuôi cả 03 con chung, anh **T** không có quan điểm và không về làm việc nên Hội đồng xét xử giao cả 03 con chung cho chị **N** tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị **Ngô Thị N** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị **Ngô Thị N** và anh **Mai Văn Thu**.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Giao cho chị **Ngô Thị N** trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 03 con chung **Mai Khánh L**, sinh ngày 23/10/2011; **Mai Hoàng A**, sinh ngày 16/6/2019 và **Mai Hoàng V**, sinh ngày 17/5/2021. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **N** không yêu cầu anh **Mai Văn T** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị **Ngô Thị N** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003154 ngày 26 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh **N**; chị **N** đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND + VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 10 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Long